

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND cấp xã có biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-SNNMT ngày 03/3/2026 và đề nghị của Chánh văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. **Hoàn thành trước ngày 20/3/2026.**

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường, đặc khu có biên thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 và Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có biên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, TDNV, HCC_{Tr}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục
DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ
CÓ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

I. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
A	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Giao khu vực biển (1.005401.H50)	55 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh /cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
2	Công nhận khu vực biển (1.009481.H50)	24 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh /cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
3	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (1.004935.H50)	39 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và	Có

					hải đảo	
4	Trả lại khu vực biển (1.005399.H50)	32 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
5	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (1.005400.H50)	37 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
6	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (1.005189.H50)	65 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	22.500.000 đồng/Giấy phép: Áp dụng mức phí theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
7	Gia hạn Giấy phép nhận chìm (2.000472.H50)	45 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	17.500.000 đồng/Giấy phép: Áp dụng mức phí theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
8	Trả lại Giấy phép nhận chìm (1.000942.H50)	45 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	7.000.000 đồng/Giấy phép Áp dụng mức thu theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có

9	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (1.000969.H50)	45 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	12.500.000 đồng/Giấy phép Áp dụng mức thu theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
10	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh (3.000435.H50)	240 ngày và 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính.	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
11	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh (3.000436.H50)	110 ngày và 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
12	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh (3.000437.H50)	110 ngày và 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
B	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					

1	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000439.H50)	30 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000440.H50)	34 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
3	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000441.H50)	32 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
4	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000442.H50)	37 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
5	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000443.H50)	24 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Căn cứ pháp lý
1	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển (2.000444.H50)	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo
2	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh (3.000438.H50)	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo